

Số: /QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục 17 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung (12 cấp tỉnh, 05 cấp xã) và 02 thủ tục hành chính được bãi bỏ trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long (Thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-BNNMT ngày 13/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 259/TTr-SNN&MT ngày 26/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 17 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung (12 cấp tỉnh, 05 cấp xã) và 02 thủ tục hành chính được bãi bỏ trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

1. Sửa đổi, bổ sung

- 12 thủ tục hành chính cấp tỉnh đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 27/6/2025.

- 05 thủ tục hành chính cấp xã đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 27/6/2025.

2. Bãi bỏ

- 02 thủ tục hành chính cấp tỉnh đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 27/6/2025.

(chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Phạm vi tiếp nhận các thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này được thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.

Điều 3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Trong thời gian 01 ngày kể từ ngày Quyết định được ký ban hành phải hoàn thành việc cập nhật công khai đầy đủ danh mục, nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính đã được công bố trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ

- Đồng bộ đầy đủ danh mục và nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính đã được công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long.

- Căn cứ cách thức thực hiện của thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này bổ sung vào Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính được công bố kèm theo Quyết định này trong thời hạn chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức niêm yết công khai đầy đủ danh mục tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ

- Nội dung của 12 thủ tục hành chính cấp tỉnh có số thứ tự số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 13, 14, 15 Mục I Phụ lục kèm theo Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Nội dung của 05 thủ tục hành chính cấp xã có số thứ tự số 1, 2, 3, 4, 5 Mục II Phụ lục kèm theo Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- 02 thủ tục hành chính có số thứ tự số 513, 524 Phụ lục kèm theo Quyết định số 2411/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt 100% thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - BTP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC, Phòng KTN;
- Lưu: VT, 06.PVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quỳnh Thiện

Phụ lục
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG¹

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO						
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH						
1	1.005401.H61	Giao khu vực biển	44 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	Không	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

¹ Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

2	1.004935.H61	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển	29 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	Không	<i>Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.</i>
3	1.005399.H61	Trả lại khu vực biển	27 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	Không	<i>Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.</i>
4	1.005400.H61	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao	32 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ:	Không	<i>Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa</i>

		khu vực biển	<i>hồ sơ hợp lệ</i>	https://dichvucong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.		<i>đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.</i>
5	1.009481.H61	Công nhận khu vực biển cấp tỉnh	<i>19 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ</i>	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	Không	- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo; - Quyết định số 619/QĐ-BNNMT ngày 13/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
6	1.005189.H61	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển	<i>55 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ</i>	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch	Không	<i>Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.</i>

				vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.		
7	2.000472.H61	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển	35 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	Không	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.
8	1.000969.H61	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển	35 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

				tỉnh Vĩnh Long/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.		
9	1.000942.H61	Trả lại giấy phép nhận chìm	35 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	Không	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.
10	3.000435.H61	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	250 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã,	Không	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

				phường. Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.		
11	3.000436.H61	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	115 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	Không	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.
12	3.000437.H61	Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh	115 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. Cơ quan giải quyết TTHC:	Không	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

				- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.		
II.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ					
1	3.000439.H61	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	34 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã.	Không	<i>Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.</i>
2	3.000440.H61	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	24 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.	Không	<i>Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.</i>

				- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã.		
3	3.000441.H61	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	24 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã.	Không	<i>Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.</i>
4	3.000442.H61	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	28 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã.	Không	<i>Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.</i>

5	3.000443.H61	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	16 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã.	Không	<i>Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.</i>
---	--------------	--	--	---	-------	--

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
	LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO		
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
1	2.000444.H61	Cấp lại giấy phép nhận chìm	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.
2	3.000438.H61	Cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (Mã số: 3.000439.H61)

1.1. Trình tự thực hiện

1.1.1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>.

1.1.2. Trong thời hạn không quá 30 ngày đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

- a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định này. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;
- b) Xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).

1.1.3. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm gửi văn bản lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị giao khu vực biển như sau:

a) Trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển;

b) Trường hợp trong quá trình xem xét, cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển cho tổ chức, cá nhân; cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã lấy ý kiến các cơ quan quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 33 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP về tọa độ, diện tích, mục đích, thời hạn sử dụng khu vực biển nơi đề nghị giao khu vực biển và văn bản ý kiến của các cơ quan này được gửi kèm theo hồ sơ đề nghị giao khu vực biển thì cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 33 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP không phải thực hiện thủ tục lấy ý kiến theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 16 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 33 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

1.1.4. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc, thời gian kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

1.1.5. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ

hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 15 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền giao khu vực biển.

1.1.6. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền giao khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền xem xét, ra quyết định giao khu vực biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

1.1.7. Quyết định giao khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

1.3.1. Thành phần hồ sơ

- Bản chính Đơn đề nghị giao khu vực biển được lập theo Mẫu số 01 Mục III Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

- Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận về việc cá nhân Việt Nam thường trú trên địa bàn cấp xã mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản.

- Phương án nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 16 Mục III Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

- Sơ đồ khu vực biển đề nghị giao, trong đó thể hiện tọa độ các điểm góc của khu vực biển đề nghị giao được lập theo Mẫu số 05 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết

1.4.1. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính

Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

1.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ: không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ;

b) Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 3 ngày.

c) Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

d) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển.

đ) Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến cá nhân Việt Nam. Cá nhân Việt Nam gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 15 ngày, nếu cá nhân Việt Nam không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được giao khu vực biển, cơ quan thẩm

định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền giao khu vực biển.

1.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ;

b) Thời hạn xem xét, ra quyết định giải quyết hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ; trường hợp không giao khu vực biển thì cơ quan thẩm định hồ sơ trả hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

1.5.1. Cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận về việc cá nhân Việt Nam thường trú trên địa bàn cấp xã mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản.

1.5.2. Cá nhân Việt Nam đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định của pháp luật sau ngày 15 tháng 7 năm 2014 được quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP phải nộp hồ sơ đề nghị giao khu vực biển theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (Nghị định số 44/2026/NĐ-CP) và thực hiện thủ tục hành chính về giao khu vực biển được quy định tại mục này.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 06 Mục III Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP); trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản
Mẫu số 05	Sơ đồ khu vực biển đề nghị giao
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 16	Phương án nuôi trồng thủy sản

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- *Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.*

Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIAO KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã...²

Tên cá nhân

Địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Ngày, tháng, năm sinh ... số thẻ căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày ... tháng ... năm ... do ... cấp.

Đề nghị được giao hoạt động sử dụng khu vực biển tại xã ..., tỉnh...

Mục đích sử dụng, hoạt động: (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển) ...

Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng: ... m, từ ... m đến ... m; độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển ... m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ ... được thể hiện danh mục tọa độ các điểm giới hạn của khu vực biển đề nghị giao đối với Hồ sơ đề nghị giao khu vực biển của cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản (được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường).

Thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển từ ... (tháng/năm) đến ... (tháng/năm).

Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển ... (hàng năm/một lần cho 05 năm/một lần cho cả thời hạn giao khu vực biển) hoặc đề nghị không thu tiền sử dụng khu vực biển (nếu thuộc các trường hợp không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển):

(Tên cá nhân)... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan.

CÁ NHÂN LÀM ĐƠN

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

² Người có thẩm quyền giao.

**DANH MỤC TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM GIỚI HẠN
CỦA KHU VỰC BIỂN ĐỀ NGHỊ GIAO**

*(Kèm theo đơn đề nghị giao khu vực biển của để nuôi trồng thủy sản
theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản được sửa đổi, bổ sung
tại Luật số 146/2025/QH15)*

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000 Kinh tuyến trực... múi chiều...		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1			
2			
...			
n			

Địa điểm tại khu vực biển ... xã... tỉnh....

Diện tích của khu vực biển: (ha/m²)

Độ sâu khu vực biển sử dụng: (m)

Độ cao khu vực biển sử dụng: (m)

Ghi chú:

Hệ tọa độ quốc gia VN-2000 với kinh tuyến trực địa phương theo quy định của pháp luật về đo đạc bản đồ.

Độ cao, độ sâu khu vực biển so với mặt nước biển trung bình.

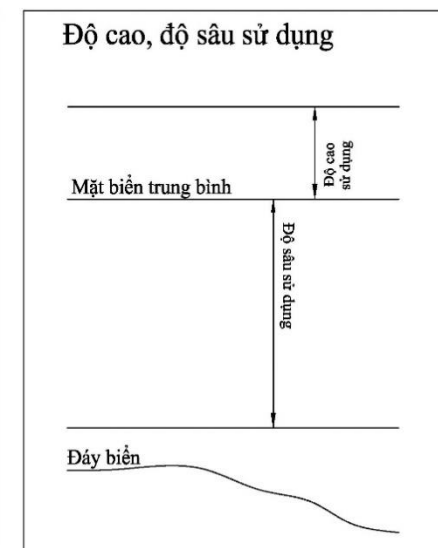
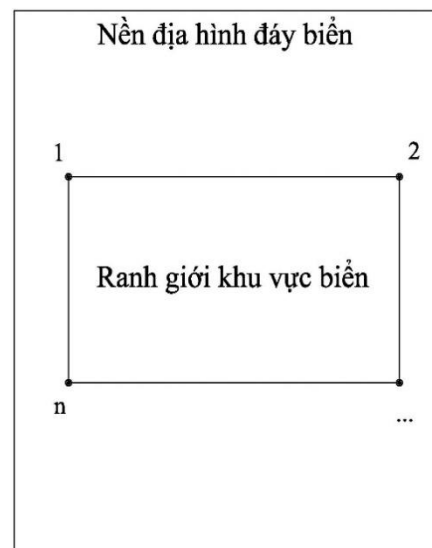
Các tọa độ vuông góc, diện tích, độ cao, độ sâu được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

SƠ ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Mẫu số 05

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000	
	Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		



Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m²)...

Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)...

Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)...

Ghi chú: Sơ đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo)....km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp tỉnh ...
- Tọa độ vuông góc, diện tích, độ sâu, độ cao được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)

- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:  Khu vực biển sử dụng

— Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm

— Đường 03 hải lý (nếu có) — Đường 06 hải lý (nếu có)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BẢN ĐỒ (nếu có)

(Ký tên, đóng dấu)

CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ- UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ...***Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;**Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;**Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;**Xét đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên cá nhân)... nộp tại...;**Theo đề nghị của Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.**

1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (tên cá nhân Việt Nam được giao khu vực biển).

2. Mục đích sử dụng khu vực biển:

3. Địa điểm khu vực biển: vùng biển... thuộc xã... tỉnh... (nếu có).

4. Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha), vị trí, tọa độ khu vực biển tại sơ đồ khu vực biển kèm theo quyết định này, độ sâu được phép sử dụng so

với mặt nước biển:....m từ....m đến....m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có).

5. Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

6. Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

7. Hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển:... (nếu thuộc các trường hợp phải nộp tiền sử dụng khu vực biển).

Cá nhân có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển theo số tiền sử dụng khu vực biển cụ thể do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

8. (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên cá nhân Việt Nam)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ hằng năm, gửi trước ngày 31 tháng 12 hằng năm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản được phép chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Cơ quan thuế trên địa bàn có trách nhiệm báo ngay với cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức cá nhân được giao khu vực biển không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính về giao khu vực biển theo quy định.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên cá nhân Việt Nam)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, (tên cá nhân Việt Nam) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều...;
-;
- BNNMT/BHĐ;
- Sở NNMT tỉnh...;
- Cơ quan Thuế....
- Tên cá nhân Việt Nam;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN BIỂN
*(Áp dụng cho chủ thể là cá nhân đề nghị giao, sửa đổi, bổ sung,
gia hạn thời hạn giao khu vực biển)*

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên cá nhân thực hiện:

Địa chỉ thường trú:

Số CCCD/Mã số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu:

Số điện thoại liên hệ:

Email:

6. Mã số cơ sở nuôi (nếu có)

II. MỤC TIÊU PHƯƠNG ÁN

III. VỊ TRÍ VÀ QUY MÔ NUÔI BIỂN

Địa điểm thực hiện: (xã, tỉnh)

Tọa độ địa lý:

Diện tích khu vực biển dự kiến sử dụng: ... ha

Sơ đồ khu vực nuôi:

Thời gian đề nghị giao khu vực biển:

Diện tích nuôi:

Quy mô công suất:

IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ LAO ĐỘNG

Số lượng lồng/bè:

2. Tổng thể tích lồng bè (m³):

3. Trang thiết bị hỗ trợ (tàu, thuyền, máy sục khí, máy cho ăn tự động, hệ thống phao neo và dây neo, camera giám sát nếu có...):

4. Số lượng lao động và biện pháp bảo đảm an toàn lao động:

V. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG THỨC NUÔI

Loài nuôi: (cá biển, tôm hùm, ngọc trai, hào, rong biển... và tên khoa học)

Nguồn gốc giống: (tự ương, tên cơ sở cung cấp, có giấy kiểm dịch không)

Kích cỡ giống thả:

Mật độ thả giống (con/m³):

Phương thức nuôi: (nuôi lồng/bè, treo, bám đá, bán tự nhiên...)

Chu kỳ nuôi: ... tháng/vụ (theo từng đối tượng)

VI. KỸ THUẬT VÀ QUẢN LÝ NUÔI

Chuẩn bị lồng nuôi

Kỹ thuật thả giống

Kiểm tra điều kiện nuôi

Nguồn thức ăn: (thức ăn công nghiệp, cá tạp, tự chế...)

Chế độ cho ăn: (loại thức ăn, số lần/ngày, liều lượng)

Chế độ chăm sóc và quản lý:

Phòng bệnh và xử lý dịch bệnh:

Thu hoạch và bảo quản sản phẩm:

Xử lý sông thoát.

Thời gian ngắt vụ/nghỉ giữa 2 vụ.

Kế hoạch vệ sinh lồng/bè, lưới.

Biện pháp di chuyển lồng/bè khi có bão lũ.

Quản lý chất thải.

VII. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (TÓM TẮT)

Nguồn thải: chất thải hữu cơ từ thức ăn dư thừa, phân thải...

Biện pháp giảm thiểu: thu gom thức ăn thừa, xử lý chất thải, định kỳ vệ sinh lồng nuôi...

Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường biển theo Luật Bảo vệ môi trường.

VIII. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

Sản lượng dự kiến: ... tấn/năm

Doanh thu dự kiến: ... đồng/năm

Chi phí đầu tư và vận hành:

Lợi nhuận dự kiến:

Tạo việc làm cho: ... lao động địa phương.

IX. CAM KẾT THỰC HIỆN

Tôi cam kết:

Thực hiện đúng nội dung thuyết minh này nếu được cấp phép.

Tuân thủ các quy định của pháp luật về nuôi trồng thủy sản và bảo vệ môi trường biển.

Chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung thuyết minh và quá trình triển khai thực tế.

Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nếu vi phạm quy định

....., ngày..... tháng..... năm.....

CHỦ CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên)

2. Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (Mã số: 3.000440.H61)

2.1. Trình tự thực hiện

2.1.1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã bằng cách thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2.1.2. Trong thời hạn không quá 20 ngày đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

b) Xác định tiền sử dụng khu vực biển và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).

2.1.3. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

a) Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn không quá 14 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý;

b) Người có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển lấy ý kiến cơ quan có liên quan trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định;

c) Trường hợp đề nghị gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển;

d) Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc.

2.1.4. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công

chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển.

2.1.5. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền cho phép gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển xem xét, quyết định gia hạn.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

2.1.6. Quyết định giao khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP;

- Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển theo Mẫu số 12 quy định tại Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 65/2025/NĐ-CP đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản.

- Phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo Mẫu số 16 quy

định tại Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản.

Cá nhân không phải nộp một trong các văn bản, tài liệu quy định tại Điều này nếu các văn bản, tài liệu này đã được tích hợp, số hóa trong cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia.

Tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển chậm nhất 03 tháng trước khi Quyết định giao khu vực biển đã được cấp hết thời hạn”.

2.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết

2.4.1. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính

Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ: không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định;

b) Thời gian lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: không quá 14 ngày kể từ ngày nhận được văn bản kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý.

c) Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày;

d) Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

đ) Trường hợp đề nghị gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển;

e) Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện

đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển.

2.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định;

b) Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận về việc cá nhân Việt Nam thường trú trên địa bàn cấp xã mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 06 Mục III Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP); trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 02	Đơn đề nghị gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển
Mẫu số 16	Đề cương phương án nuôi trồng thủy sản trên biển (Áp dụng cho chủ thể là cá nhân đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển)

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- *Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.*

Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 02

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI HẠN SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã ...

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Ngày, tháng, năm sinh ... căn cước công dân; căn cước hoặc sổ định danh cá nhâncấp ngày...tháng...năm...do .cấp (nếu là cá nhân).

Được phép sử dụng khu vực biển tại xã ..., tỉnh ... theo Quyết định giao khu vực biển số .ngày...thángnămcủa Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Đề nghị được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, thời gian gia hạn(tháng/năm).

Mục đích đang sử dụng khu vực biển: (loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển).....

Diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha), độ sâu sử dụng:...m, từ...m đến...m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ, độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển...m được thể hiện trên Sơ đồ khu vực biển.

Lý do đề nghị gia hạn

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Cá nhân làm đơn

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ- UBND

....., ngày tháng năm

**QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ...***Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;**Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;**Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;**Xét đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên cá nhân)... nộp tại...;**Theo đề nghị của Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.****1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (tên cá nhân Việt Nam được giao khu vực biển).****2. Mục đích sử dụng khu vực biển:****3. Địa điểm khu vực biển: vùng biển... thuộc xã... tỉnh... (nếu có).**

4. Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha), vị trí, tọa độ khu vực biển tại sơ đồ khu vực biển kèm theo quyết định này, độ sâu được phép sử dụng so với mặt nước biển:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có).

5. Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

6. Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

7. Hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển:... (nếu thuộc các trường hợp phải nộp tiền sử dụng khu vực biển).

Cá nhân có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển theo số tiền sử dụng khu vực biển cụ thể do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

8. (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên cá nhân Việt Nam)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ hằng năm, gửi trước ngày 31 tháng 12 hằng năm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản được phép chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Cơ quan thuế trên địa bàn có trách nhiệm báo ngay với cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức cá nhân được giao khu vực biển không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính về giao khu vực biển theo quy định.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên cá nhân Việt Nam)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, (tên cá nhân Việt Nam) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều...;
-
- BNNMT/BHĐ;
- Sở NNMT tỉnh...;
- Cơ quan Thuế....
- Tên cá nhân Việt Nam;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

TÊN CÁ NHÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:

I. Phần chung

1. Tên cá nhân sử dụng khu vực biển:

Ngày, tháng, năm sinh... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

3. Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đối với tổ chức):

- Họ và tên.....

- Chức vụ.....

- Năm sinh.....

- Quốc tịch.....

- Số định danh cá nhân, căn cước công dân (Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu) số.....; cấp ngày.....; nơi cấp.....

- Địa chỉ thường trú.....

II. Tình hình hoạt động sử dụng khu vực biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

1. Quyết định giao khu vực biển (thứ nhất)

A. Thông tin về Quyết định giao khu vực biển (nếu có)

- Cơ quan giao khu vực biển.....

- Mục đích sử dụng.....

- Vị trí, tọa độ khu vực biển sử dụng; diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha/m²); độ cao sử dụng...; độ sâu sử dụng....

- Thời hạn được giao khu vực biển: (tháng, năm), trong đó thời gian đã sử dụng khu vực biển ... (tháng, năm).

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp.... Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển.

B. Các hoạt động sử dụng biển

- Tên hoạt động:

- Mục đích hoạt động:.....

- Quy mô hoạt động:

- Tổng vốn đầu tư:
- Tiến độ thực hiện các hoạt động đến thời điểm báo cáo:
- Các công trình, hoạt động sử dụng biển trên khu vực biển được giao (Theo mẫu Phụ lục kèm theo).
- Công tác bồi thường và hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động sử dụng biển (nếu có).
- Tổng số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế, trong đó: Số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp... Số tiền sử dụng khu vực biển còn nợ... (nếu có).

C. Đánh giá tình hình sử dụng khu vực biển

- Đánh giá sự phù hợp của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại khu vực biển được giao với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá khả năng tiếp cận của người dân với biển trong quá trình sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển được giao với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển. Tác động, ảnh hưởng của hoạt động sử dụng biển với các hoạt động khác trong khu vực.
- Kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được giao. Việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các vấn đề khác có liên quan.
- Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

2. Quyết định giao khu vực biển thứ hai (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

3. Tình hình sử dụng khu vực biển theo các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển hoặc đất có mặt nước ven biển (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

THỐNG KÊ CÁC CÔNG TRÌNH, HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG BIỂN TRÊN KHU VỰC BIỂN ĐƯỢC GIAO

STT	Mục đích/ hoạt động sử dụng	Diện tích khu vực biển	Tọa độ khu vực biển			Thời gian sử dụng khu vực biển		Ghi chú
			Kinh tuyến trục... múi chiều...			Bắt đầu	Kết thúc	
1	Sử dụng khu vực biển để...	... ha/m ²	STT	X	Y		-	
			1	...	...			
			2	...	...			
2	...	...	...	...	...	...	...	...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN BIỂN
*(Áp dụng cho chủ thể là cá nhân đề nghị giao, sửa đổi, bổ sung,
gia hạn thời hạn giao khu vực biển)*

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên cá nhân thực hiện:

Địa chỉ thường trú:

Số CCCD/Mã số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu:

Số điện thoại liên hệ:

Email:

6. Mã số cơ sở nuôi (nếu có)

II. MỤC TIÊU PHƯƠNG ÁN

III. VỊ TRÍ VÀ QUY MÔ NUÔI BIỂN

Địa điểm thực hiện: (xã, tỉnh)

Tọa độ địa lý:

Diện tích khu vực biển dự kiến sử dụng: ... ha

Sơ đồ khu vực nuôi:

Thời gian đề nghị giao khu vực biển:

Diện tích nuôi:

Quy mô công suất:

IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ LAO ĐỘNG

Số lượng lồng/bè:

2. Tổng thể tích lồng bè (m³):

3. Trang thiết bị hỗ trợ (tàu, thuyền, máy sục khí, máy cho ăn tự động, hệ thống phao neo và dây neo, camera giám sát nếu có...):

4. Số lượng lao động và biện pháp bảo đảm an toàn lao động:

V. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG THỨC NUÔI

Loài nuôi: (cá biển, tôm hùm, ngọc trai, hàu, rong biển... và tên khoa học)

Nguồn gốc giống: (tự ương, tên cơ sở cung cấp, có giấy kiểm dịch không)

Kích cỡ giống thả:

Mật độ thả giống (con/m³):

Phương thức nuôi: (nuôi lồng/bè, treo, bám đá, bán tự nhiên...)

Chu kỳ nuôi: ... tháng/vụ (theo từng đối tượng)

VI. KỸ THUẬT VÀ QUẢN LÝ NUÔI

Chuẩn bị lồng nuôi

Kỹ thuật thả giống

Kiểm tra điều kiện nuôi

Nguồn thức ăn: (thức ăn công nghiệp, cá tạp, tự chế...)

Chế độ cho ăn: (loại thức ăn, số lần/ngày, liều lượng)

Chế độ chăm sóc và quản lý:

Phòng bệnh và xử lý dịch bệnh:

Thu hoạch và bảo quản sản phẩm:

Xử lý sông thoát.

Thời gian ngắt vụ/nghỉ giữa 2 vụ.

Kế hoạch vệ sinh lồng/bè, lưới.

Biện pháp di chuyển lồng/bè khi có bão lũ.

Quản lý chất thải.

VII. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (TÓM TẮT)

Nguồn thải: chất thải hữu cơ từ thức ăn dư thừa, phân thải...

Biện pháp giảm thiểu: thu gom thức ăn thừa, xử lý chất thải, định kỳ vệ sinh lồng nuôi...

Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường biển theo Luật Bảo vệ môi trường.

VIII. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

Sản lượng dự kiến: ... tấn/năm

Doanh thu dự kiến: ... đồng/năm

Chi phí đầu tư và vận hành:

Lợi nhuận dự kiến:

Tạo việc làm cho: ... lao động địa phương.

IX. CAM KẾT THỰC HIỆN

Tôi cam kết:

Thực hiện đúng nội dung thuyết minh này nếu được cấp phép.

Tuân thủ các quy định của pháp luật về nuôi trồng thủy sản và bảo vệ môi trường biển.

Chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung thuyết minh và quá trình triển khai thực tế.

Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nếu vi phạm quy định

....., ngày..... tháng..... năm.....

CHỦ CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên)

3. Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (Mã số: 3.000441.H61)

3.1. Trình tự thực hiện

3.1.1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>.

3.1.2. Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

b) Xác định số tiền sử dụng khu vực biển được hoàn trả (nếu có); các khoản nghĩa vụ tài chính và nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện.

3.1.3. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

a) Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cho phép trả lại khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý;

b) Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc.

3.1.4. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân

không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền cho phép trả lại khu vực biển.

3.1.5. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền cho phép trả lại khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền quyết định cho phép trả lại khu vực biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không cho phép trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

3.1.6. Quyết định cho phép trả lại khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị trả lại khu vực biển theo Mẫu số 03 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.

- Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển theo Mẫu số 12 Mục II Phụ lục của Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

3.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết

3.4.1. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ: không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định;

b) Thời gian lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: không quá 12 ngày kể từ

ngày nhận được văn bản kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cho phép trả lại khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý.

c) Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày;

d) Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

đ) Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền cho phép trả lại khu vực biển.

3.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ;

b) Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ. Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không cho phép trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận về việc cá nhân Việt Nam thường trú trên địa bàn cấp xã mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định cho phép trả lại khu vực biển theo Mẫu 07 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP, trường hợp không ra quyết định, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do; trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 03	Đơn đề nghị trả lại khu vực biển
Mẫu số 07	Quyết định về việc cho phép trả lại khu vực biển
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- *Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.*

Ghi chú: phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 03

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

- Ngày, tháng, năm sinh ... căn cước công dân; căn cước hoặc số định danh cá nhân...cấp ngày...tháng...năm...do....cấp (nếu là cá nhân).

- Đề nghị được trả lại khu vực biển theo Quyết định giao khu vực biển số... ngày... tháng... năm .. của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.... về việc giao quyền sử dụng khu vực biển.

Lý do đề nghị trả lại

(Tên cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Cá nhân làm đơn

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..../QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc cho phép trả lại khu vực biển****ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ....**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;³

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị trả lại khu vực biển của (tên tổ chức, cá nhân)

Theo đề nghị của Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên cá nhân) được trả lại khu vực biển với diện tíchha trên tổng số diện tích khu vực biển đã giao là ...ha theo Quyết định giao khu vực biển số ... ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.....

Trụ sở/địa chỉ:.....Điện thoại: Fax:Email.....

³ Các căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan quyết định giao khu vực biển chỉ ghi các văn bản liên quan trực tiếp đến cơ quan ban hành Quyết định giao khu vực biển theo thẩm quyền giao khu vực biển. Có thể bổ sung thêm các căn cứ là văn bản liên quan trực tiếp đến việc ban hành quyết định cho phù hợp.

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, (tên cá nhân) phải chấm dứt hoạt động sử dụng khu vực biển và có trách nhiệm:

1. Nộp báo cáo tình hình, kết quả hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; công tác bảo vệ môi trường biển trong thời gian sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các biện pháp cải thiện, phục hồi môi trường tại khu vực biển được giao sử dụng và các nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

3.....

Điều 3. Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xãvà tổ chức, cá nhân.....có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- Sở NN&MT tỉnh ...;
- Cục Thuế tỉnh....;
- Phòng NN&MT..;
- Tên Cá nhân Việt Nam;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN CÁ NHÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:

I. Phần chung

1. Tên cá nhân sử dụng khu vực biển:

Ngày, tháng, năm sinh... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

3. Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đối với tổ chức):

- Họ và tên.....

- Chức vụ.....

- Năm sinh.....

- Quốc tịch.....

- Số định danh cá nhân, căn cước công dân (Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu) số.....; cấp ngày.....; nơi cấp.....

- Địa chỉ thường trú.....

II. Tình hình hoạt động sử dụng khu vực biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

1. Quyết định giao khu vực biển (thứ nhất)

A. Thông tin về Quyết định giao khu vực biển (nếu có)

- Cơ quan giao khu vực biển.....

- Mục đích sử dụng.....

- Vị trí, tọa độ khu vực biển sử dụng; diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha/m²); độ cao sử dụng...; độ sâu sử dụng....

- Thời hạn được giao khu vực biển: (tháng, năm), trong đó thời gian đã sử dụng khu vực biển ... (tháng, năm).

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp.... Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển.

B. Các hoạt động sử dụng biển

- Tên hoạt động:

- Mục đích hoạt động:.....

- Quy mô hoạt động:

- Tổng vốn đầu tư:
- Tiến độ thực hiện các hoạt động đến thời điểm báo cáo:
- Các công trình, hoạt động sử dụng biển trên khu vực biển được giao (Theo mẫu Phụ lục kèm theo).
- Công tác bồi thường và hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động sử dụng biển (nếu có).
- Tổng số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế, trong đó: Số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp... Số tiền sử dụng khu vực biển còn nợ... (nếu có).

C. Đánh giá tình hình sử dụng khu vực biển

- Đánh giá sự phù hợp của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại khu vực biển được giao với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá khả năng tiếp cận của người dân với biển trong quá trình sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển được giao với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển. Tác động, ảnh hưởng của hoạt động sử dụng biển với các hoạt động khác trong khu vực.
- Kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được giao. Việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các vấn đề khác có liên quan.
- Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

2. Quyết định giao khu vực biển thứ hai (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

3. Tình hình sử dụng khu vực biển theo các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển hoặc đất có mặt nước ven biển (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

STT	Mục đích/ hoạt động sử dụng	Diện tích khu vực biển	Tọa độ khu vực biển			Thời gian sử dụng khu vực biển		Ghi chú
			Kinh tuyến trực... múi chiếu...			Bắt đầu	Kết thúc	
1	Sử dụng khu vực biển để...	... ha/m ²	STT	X	Y		-	
			1	...				
			2	...	...			
2	...	...	...	...	...	...	...	...

4. Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (Mã số: 3.000442.H61)

4.1. Trình tự thực hiện

4.1.1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long/Tổng tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>.

4.1.2. Trong thời hạn không quá 25 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

b) Xác định tiền sử dụng khu vực biển và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).

4.1.3. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

a) Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý;

b) Cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển lấy ý kiến cơ quan có liên quan trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định;

c) Trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản có sự thay đổi về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển (sửa đổi) theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển;

d) Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc.

4.1.4. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu

vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.

4.1.5. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển ra quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

4.1.6. Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.

4.2. Cách thức thực hiện Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

4.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.

- Phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo Mẫu số 16 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản có thay đổi về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản.

- Sơ đồ khu vực biển, trong đó thể hiện tọa độ các điểm giới hạn của khu vực biển đề nghị giao theo Mẫu số 05 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP đối với trường hợp thay đổi diện tích khu vực biển đã được giao.

4.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết

4.4.1. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

4.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ:

a) Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

b) Trường hợp cần thiết lấy ý kiến văn bản có liên quan, thời gian lấy ý kiến: không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc giao khu vực biển;

c) Trường hợp cần thiết thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày làm việc;

d) Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP và Nghị định số 44/2026/NĐ-CP), cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công

tỉnh/cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển

4.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ nhận được hồ sơ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển; trường hợp không sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân Việt Nam.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 06a Mục III Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP); trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 04	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển
Mẫu số 05	Sơ đồ khu vực biển
Mẫu số 06a	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển

Mẫu số 16	Đề cương phương án nuôi trồng thủy sản trên biển (Áp dụng cho chủ thể là cá nhân đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển)
-----------	--

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- *Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.*

Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 04

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH GIAO KHU VỰC
 BIỂN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

Tên cá nhân

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Ngày, tháng, năm sinh ... số Chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Số định danh cá nhân... cấp ngày... tháng... năm... do.... cấp.

Đề nghị được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển số, ngày tháng năm của: Ủy ban nhân dân cấp xã... về việc giao khu vực biển tại khu vực... thuộc xã..., tỉnh....

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển:

Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....

(Tên cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Cá nhân Việt Nam làm đơn

(Ký tên hoặc điểm chỉ)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH/ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Số: /QĐ-BNNMT/UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
 CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH/
 CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ...**

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 (trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số/...../NĐ-CP ngày ... tháng năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ văn bản ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ...;

Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc; (trừ trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);

Xét đơn và hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại ...;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh.../Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số/QĐ-BNNMT/UBND ngày.. tháng... năm về việc giao khu vực biển

- Nội dung sửa đổi, bổ sung:.....
- Nội dung sửa đổi, bổ sung:.....
- Nội dung sửa đổi, bổ sung:.....

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)có nghĩa vụ:

1. Thực hiện các nghĩa vụ tại Quyết định này và Quyết định số/QĐ-BNNMT/UBND ngày.. tháng... năm về việc giao khu vực biển.

2. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,.../Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định Quyết định này và Quyết định số/QĐ/BNNMT/UBND ngày.. tháng... năm về việc giao khu vực biển và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,.../Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều...;
-
- BNNMT/BHĐ;
- Sở NNMT tỉnh...;
- Cơ quan Thuế....
- UBND xã..;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

**BỘ TRƯỞNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP TỈNH/CẤP XÃ
(Ký tên, đóng dấu)**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN BIỂN
*(Áp dụng cho chủ thể là cá nhân đề nghị giao, sửa đổi, bổ sung,
gia hạn thời hạn giao khu vực biển)*

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên cá nhân thực hiện:

Địa chỉ thường trú:

Số CCCD/Mã số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu:

Số điện thoại liên hệ:

Email:

6. Mã số cơ sở nuôi (nếu có)

II. MỤC TIÊU PHƯƠNG ÁN

III. VỊ TRÍ VÀ QUY MÔ NUÔI BIỂN

Địa điểm thực hiện: (xã, tỉnh)

Tọa độ địa lý:

Diện tích khu vực biển dự kiến sử dụng: ... ha

Sơ đồ khu vực nuôi:

Thời gian đề nghị giao khu vực biển:

Diện tích nuôi:

Quy mô công suất:

IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ LAO ĐỘNG

Số lượng lồng/bè:

2. Tổng thể tích lồng bè (m³):

3. Trang thiết bị hỗ trợ (tàu, thuyền, máy sục khí, máy cho ăn tự động, hệ thống phao neo và dây neo, camera giám sát nếu có...):

4. Số lượng lao động và biện pháp bảo đảm an toàn lao động:

V. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG THỨC NUÔI

Loài nuôi: (cá biển, tôm hùm, ngọc trai, hàu, rong biển... và tên khoa học)

Nguồn gốc giống: (tự ương, tên cơ sở cung cấp, có giấy kiểm dịch không)

Kích cỡ giống thả:

Mật độ thả giống (con/m³):

Phương thức nuôi: (nuôi lồng/bè, treo, bám đá, bán tự nhiên...)

Chu kỳ nuôi: ... tháng/vụ (theo từng đối tượng)

VI. KỸ THUẬT VÀ QUẢN LÝ NUÔI

Chuẩn bị lồng nuôi

Kỹ thuật thả giống

Kiểm tra điều kiện nuôi

Nguồn thức ăn: (thức ăn công nghiệp, cá tạp, tự chế...)

Chế độ cho ăn: (loại thức ăn, số lần/ngày, liều lượng)

Chế độ chăm sóc và quản lý:

Phòng bệnh và xử lý dịch bệnh:

Thu hoạch và bảo quản sản phẩm:

Xử lý sổng thoát.

Thời gian ngắt vụ/nghỉ giữa 2 vụ.

Kế hoạch vệ sinh lồng/bè, lưới.

Biện pháp di chuyển lồng/bè khi có bão lũ.

Quản lý chất thải.

VII. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (TÓM TẮT)

Nguồn thải: chất thải hữu cơ từ thức ăn dư thừa, phân thải...

Biện pháp giảm thiểu: thu gom thức ăn thừa, xử lý chất thải, định kỳ vệ sinh lồng nuôi...

Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường biển theo Luật Bảo vệ môi trường.

VIII. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

Sản lượng dự kiến: ... tấn/năm

Doanh thu dự kiến: ... đồng/năm

Chi phí đầu tư và vận hành:

Lợi nhuận dự kiến:

Tạo việc làm cho: ... lao động địa phương.

IX. CAM KẾT THỰC HIỆN

Tôi cam kết:

Thực hiện đúng nội dung thuyết minh này nếu được cấp phép.

Tuân thủ các quy định của pháp luật về nuôi trồng thủy sản và bảo vệ môi trường biển.

Chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung thuyết minh và quá trình triển khai thực tế.

Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nếu vi phạm quy định

....., ngày..... tháng..... năm.....

CHỦ CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên)

5. Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (Mã số: 3.000443.H61)

5.1. Trình tự thực hiện

5.1.1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>.

5.1.2. Trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

b) Xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).

5.1.3. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

a) Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc giao khu vực biển (công nhận); cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý;

b) Người có thẩm quyền công nhận khu vực biển có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển lấy ý kiến cơ quan có liên quan trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định;

c) Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc.

5.1.4. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được công nhận khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định công nhận khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần

bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được công nhận khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền công nhận khu vực biển.

5.1.5. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền công nhận khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền công nhận khu vực biển xem xét, ra quyết định giao khu vực biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không công nhận khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

5.1.6. Quyết định giao khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.

5.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

5.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị công nhận khu vực biển được lập theo Mẫu số 01 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP;

- Bản chính hợp đồng cho thuê đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP; bản sao văn bản cho phép cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP;

- Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển;

- Sơ đồ khu vực biển theo Mẫu số 05 Mục III Phụ lục Nghị định số

44/2026/NĐ-CP.

Cá nhân không phải nộp một trong các văn bản, tài liệu quy định tại khoản này nếu các văn bản, tài liệu này đã được tích hợp, số hóa trong cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia.”.

5.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết

5.4.1. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

5.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ: không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định;

b) Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan: không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định việc giao khu vực biển;

c) Trường hợp cần thiết, tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày;

d) Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP và Nghị định số 44/2026/NĐ-CP), cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công

chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.

5.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ;

b) Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình hồ sơ.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân Việt Nam.

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 06 Mục III Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP); trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị công nhận khu vực biển để nuôi trồng thủy sản
Mẫu số 05	Sơ đồ khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5

năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

Ghi chú: phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 01

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

Tên cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Ngày, tháng, năm sinh ... số thẻ căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày ... tháng ... năm ... do ... cấp.

Đề nghị được công nhận hoạt động sử dụng khu vực biển tại xã ..., tỉnh...

Mục đích sử dụng, hoạt động: (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển) ...

Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng: ... m, từ ... m đến ... m; độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển ... m; danh mục tọa độ các điểm giới hạn của khu vực biển đề nghị giao đối với Hồ sơ đề nghị giao khu vực biển của cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản (được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường).

Thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển từ ... (tháng/năm) đến ... (tháng/năm).

Đề nghị không thu tiền sử dụng khu vực biển (nếu thuộc các trường hợp không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển):.....

(Tên tổ chức, cá nhân)... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Cá nhân Việt Nam làm đơn
(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

**DANH MỤC TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM GIỚI HẠN
CỦA KHU VỰC BIỂN ĐỀ NGHỊ GIAO**

*(Kèm theo đơn đề nghị giao khu vực biển của để nuôi trồng thủy sản
theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản được sửa đổi, bổ sung
tại Luật số 146/2025/QH15)*

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000 Kinh tuyến trực... múi chiều...		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1			
2			
...			
n			

Địa điểm tại khu vực biển ... xã... tỉnh....

Diện tích của khu vực biển: (ha/m²)

Độ sâu khu vực biển sử dụng: (m)

Độ cao khu vực biển sử dụng: (m)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Số:..../QĐ-UBND

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ...***Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;**Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 (trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;**Xét đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại...;**Theo đề nghị của Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã...***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (tên tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển).

2. Mục đích sử dụng khu vực biển:

3. Địa điểm khu vực biển: vùng biển... thuộc xã... tỉnh... (nếu có).

4. Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha), vị trí, tọa độ khu vực biển tại sơ đồ khu vực biển kèm theo quyết định này, độ sâu được phép sử dụng so với mặt nước biển:...m từ....m đến....m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có).

5. Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

6. Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

7. Hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển:... (nếu thuộc các trường hợp phải nộp tiền sử dụng khu vực biển).

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển theo số tiền sử dụng khu vực biển cụ thể do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

8. (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ hằng năm, gửi trước ngày 31 tháng 12 hằng năm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản được phép chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (Tên cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, (Tên cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- Sở NN&MT cấp tỉnh ...;
- Phòng NNMT..;
- Tên Cá nhân Việt Nam;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

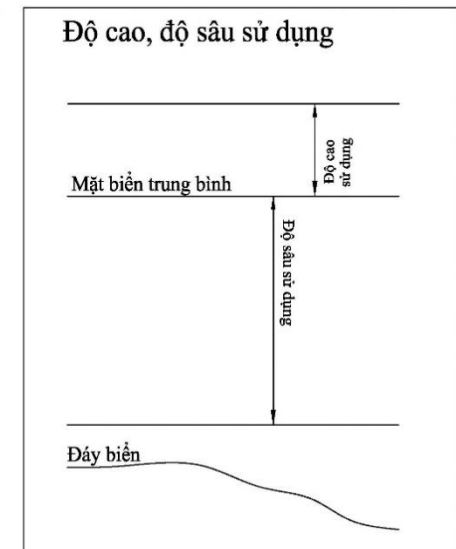
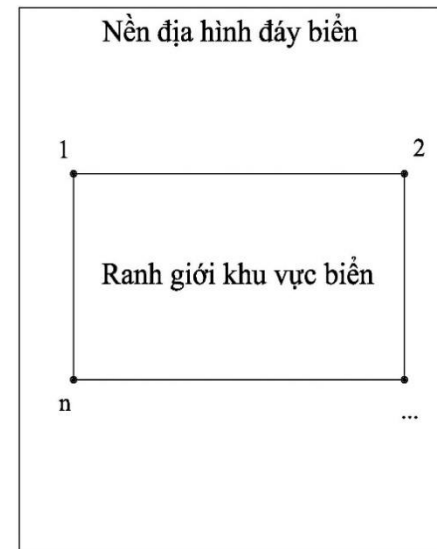
(Ký tên, đóng dấu)

SƠ ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Mẫu số 05

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000	
	Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		



Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m²)...

Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)...

Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)...

Ghi chú: Sơ đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo)....km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp tỉnh ...
- Tọa độ vuông góc, diện tích, độ sâu, độ cao được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)

- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:  Khu vực biển sử dụng

— — — Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm

 Đường 03 hải lý (nếu có)  Đường 06 hải lý (nếu có)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BẢN ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN CÁ NHÂN

Mẫu số 12
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

I. Phần chung

1. Tên cá nhân sử dụng khu vực biển:

Ngày, tháng, năm sinh... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

II. Tình hình hoạt động sử dụng khu vực biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

1. Quyết định giao khu vực biển (thứ nhất)

A. Thông tin về Quyết định giao khu vực biển (nếu có)

- Cơ quan giao khu vực biển.....

- Mục đích sử dụng.....

- Vị trí, tọa độ khu vực biển sử dụng; diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha/m²); độ cao sử dụng...; độ sâu sử dụng....

- Thời hạn được giao khu vực biển: (tháng, năm), trong đó thời gian đã sử dụng khu vực biển ... (tháng, năm).

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp.... Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển.

B. Các hoạt động sử dụng biển

- Tên hoạt động:

- Mục đích hoạt động:.....

- Quy mô hoạt động:

- Tổng vốn đầu tư:

- Tiến độ thực hiện các hoạt động đến thời điểm báo cáo:

- Các công trình, hoạt động sử dụng biển trên khu vực biển được giao (Theo mẫu Phụ lục kèm theo).

- Công tác bồi thường và hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động sử dụng biển (nếu có).

- Tổng số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế, trong đó: Số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp... Số tiền sử dụng khu vực biển còn nợ... (nếu có).

C. Đánh giá tình hình sử dụng khu vực biển

- Đánh giá sự phù hợp của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại khu vực biển được giao với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng khu vực biển.

- Đánh giá khả năng tiếp cận của người dân với biển trong quá trình sử dụng khu vực biển.

- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển được giao với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển. Tác động, ảnh hưởng của hoạt động sử dụng biển với các hoạt động khác trong khu vực.

- Kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được giao. Việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các vấn đề khác có liên quan.

- Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

2. Quyết định giao khu vực biển thứ hai (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

3. Tình hình sử dụng khu vực biển theo các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển hoặc đất có mặt nước ven biển (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....
.....
.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục

STT	Mục đích/ hoạt động sử dụng	Diện tích khu vực biển	Tọa độ khu vực biển			Thời gian sử dụng khu vực biển		Ghi chú
			Kinh tuyến trục... múi chiều...			Bắt đầu	Kết thúc	
1	Sử dụng khu vực biển để...	... ha/m ²	STT	X	Y		-	
			1	...				
			2	...	...			
2	...	...	...	...	...	...	...	...